

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 14
ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 18/8/2025
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 14 – ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Việt Triều.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Long và ông Võ Tấn Sĩ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Bảo Ngọc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phan Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 8 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 69/2025/HNGĐ-ST ngày 15/4/2025 về việc “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/5/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị L – sinh ngày 01/10/1989, số định danh cá nhân: 054189001347, nơi thường trú: C, X, Sông C, Phú Yên (nay là Cao P, xã X, tỉnh Đắk Lắk). Có mặt.

Bị đơn: Anh Mai Văn T – sinh ngày 19/9/1985, số định danh cá nhân: 096085019389, nơi thường trú: C, X, Sông C, Phú Yên (nay là Cao P, xã X, tỉnh Đắk Lắk). Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị L với anh T tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 25/6/2014 tại UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (nay là xã X, tỉnh Đắk Lắk), trong thời gian sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn, do anh T thường xuyên cờ bạc, rượu chè, không chăm lo cho vợ con, mà còn ngoại tình với người khác, nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh T đã rời bỏ gia đình đi khỏi địa phương từ năm 2020 cho đến nay không rõ tung tích. Nay chị L xin được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung là Mai Thục Q – sinh ngày 22/5/2014, hiện do chị L trực tiếp nuôi dưỡng, nay ly hôn chị L yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con, không yêu cầu anh T cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn vắng mặt, không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu:

Về thủ tục tố tụng: Vụ án đã được Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp và tư cách tham gia tố tụng. Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân và Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự đã được thực hiện các quyền, nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị L được ly hôn với anh T. Giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung các đương sự không yêu cầu nên không xem xét. Về án phí: Nguyên đơn phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thẩm quyền, quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị L có đơn xin ly hôn với anh T cư trú tại C, X, Sông C, Phú Yên (nay là Cao P, X, Đắc Lắc) là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Sông Cầu (nay là Tòa án nhân dân khu vực 14 – Đắc Lắc) theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số: 85/2025/QH15) và Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định về tiếp nhận nhiệm vụ, thực hiện thẩm quyền của các Tòa án nhân dân.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, căn cứ Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số: 85/2025/QH15), Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về hôn nhân: Chị L với anh T tự nguyện tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 25/6/2014 tại UBND xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên (nay là xã X, tỉnh Đắc Lắc) là hôn nhân hợp pháp. Theo chị L trình bày thì trong thời gian sống chung vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, do anh T thường xuyên cờ bạc, rượu chè, không chăm lo cho vợ con, mà còn ngoại tình với người khác, nên cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, anh T đã rời bỏ gia đình đi khỏi địa phương từ năm 2020 cho đến nay không rõ tung tích. Nay chị L xin được ly hôn với anh T. Tòa án đã thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với anh T, đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng anh T không có mặt tham gia tố tụng. Hội đồng xét xử thấy rằng, tình trạng hôn nhân giữa chị L với anh T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L với anh T.

[4] Về con chung: Có 01 con chung là Mai Thục Q – sinh ngày 22/5/2014, hiện do chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử nhận thấy anh T đã bỏ đi khỏi địa phương không rõ tung tích từ năm 2020 đến nay, nay ly hôn chị L yêu cầu giao con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là có căn cứ, phù hợp với thực tế nên chấp nhận, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 227, 228 và Điều 266 Bộ luật tố tụng dân sự (được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số: 85/2025/QH15); Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Huỳnh Thị L.

[1] Về hôn nhân: Chị Huỳnh Thị L được ly hôn với anh Mai Văn T.

[2] Về con chung: Chị Huỳnh Thị L trực tiếp nuôi dưỡng Mai Thục Q – sinh ngày 22/5/2014. Anh Mai Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Mai Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

[4] Về án phí: Chị Huỳnh Thị L phải chịu 300.000đ án phí sơ thẩm, được khấu trừ 300.000đ đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 646 ngày 15/4/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk – Phòng Thi hành án dân sự khu vực 14).

[5] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh^{vbdh};
- VKSND cùng cấp;
- Cơ quan thi hành án dân sự;
- UBND xã Xuân Thọ, tỉnh Đắk Lắk
- (ĐKKH số 17 ngày 25/6/2014 tại UBND xã Xuân Lâm, thị xã Sông Cầu)^{vbdh};
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Việt Triều